

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 8 – HƯNG YÊN

Bản án số: 15/2026/HNGĐ-ST

Ngày 22/01/2026

Về tranh chấp hôn nhân và gia đình

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - HƯNG YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Đặng Thị Nguyệt

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Văn Trung

2. Bà Vũ Thị Khánh Hòa

- **Thư ký phiên toà:** Bà Doãn Thị Thu Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 8 - Hưng Yên.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Hưng Yên tham gia phiên toà:** Ông Nguyễn Ngọc Lân - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 8 - Hưng Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 313/2025/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 12 năm 2025 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2026/QĐXX-ST ngày 06 tháng 01 năm 2026 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Anh Lưu Tuấn K**, sinh năm 1995; Nơi thường trú: Thôn N, xã N, tỉnh Hưng Yên; Nơi ở hiện tại: D, Jumeirah V, D, U.

Người đại diện theo ủy quyền của anh K: Công ty L; Địa chỉ: Số B, ngõ A N, Q, Cầu G, thành phố Hà Nội. Người đại diện tham gia tố tụng của Công ty L: Bà Đỗ Thị Hải Y và bà Lê Phương T.

Người đại diện theo ủy quyền quyền nuôi con của anh K: Bà Dương Thị Đ, sinh năm 1966; Nơi thường trú: Thôn N, xã N, tỉnh Hưng Yên (là mẹ đẻ của anh K).

2. Bị đơn: **Chị Đào Thị Thu T1**, sinh năm 1999; Nơi cư trú: Thôn N, xã N, tỉnh Hưng Yên.

(Nguyên đơn, bị đơn đều vắng mặt.)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện xin ly hôn, bản tự khai, nguyên đơn anh Lưu Tuấn K trình bày và có yêu cầu cụ thể như sau:* Anh và chị Đào Thị Thu T1 tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình (nay là UBND xã N, tỉnh Hưng Yên) vào ngày 22/11/2018. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến giữa năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống. Đến tháng 9/2024, anh K đi làm việc và sinh sống tại nước ngoài. Từ đó, vợ chồng ngày càng xa cách, tình cảm lạnh nhạt dần. Mặc dù, mâu thuẫn của anh chị đã được hai bên gia đình tiến hành hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Nay anh K xác định tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng đoàn tụ nên anh K đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị T1.

Về con chung: Anh và chị T1 có 01 con chung là Lưu Tuấn K1, sinh ngày 15/8/2020. Hiện con chung đang ở với mẹ anh là bà Dương Thị Đ. Ly hôn, anh đề nghị Tòa án tiếp tục giao con chung cho anh nuôi dưỡng. Trong thời gian anh ở nước ngoài, anh ủy quyền bằng văn bản cho bà Đ chăm sóc, nuôi dưỡng con chung thay anh cho đến khi anh trở về Việt Nam. Anh và chị T1 đã tự thỏa thuận với nhau về vấn đề cấp dưỡng nuôi con nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại bản tự khai, bị đơn chị Đào Thị Thu T1 trình bày:* Về thời gian, địa điểm và điều kiện kết hôn của vợ chồng như anh K trình bày là đúng. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị chung sống hạnh phúc đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không có sự chia sẻ, cảm thông nên thường xuyên xảy ra xô xát, cãi vã. Từ tháng 9/2024, anh K xuất cảnh ra nước ngoài, vợ chồng cũng sống ly thân từ đó đến nay. Nay anh K có đơn xin ly hôn chị, chị xét thấy không còn tình cảm vợ chồng với anh K, mâu thuẫn của vợ chồng đã trầm trọng nên chị đồng ý ly hôn.

Về con chung: Chị và anh K có 01 con chung như anh K trình bày là đúng. Ly hôn, chị đồng ý anh K là người trực tiếp nuôi con chung. Chị và anh K đã tự thỏa thuận với nhau về vấn đề cấp dưỡng nuôi con nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Người đại diện theo ủy quyền quyền nuôi con của anh Lưu Tuấn K là bà Dương Thị Đ trình bày:* Bà đồng ý nhận ủy quyền của anh Lưu Tuấn K (là con trai của bà hiện đang sinh sống tại nước ngoài) về việc ủy quyền quyền nuôi con chung của anh K, chị T1 là cháu Lưu Tuấn K1, sinh ngày 15/8/2020 vì hiện nay bà đang trực tiếp chăm sóc cháu.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Hưng Yên phát biểu ý kiến: Trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, những người tiến

hành tố tụng và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án xử cho anh K được ly hôn chị T1; xử giao con chung cho anh K nuôi dưỡng, không giải quyết vấn đề cấp dưỡng nuôi con; không đặt ra giải quyết về tài sản chung, nợ chung. Anh K phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Bị đơn là chị Đào Thị Thu T1 đang sinh sống tại thôn N, xã N, tỉnh Hưng Yên. Do đó, yêu cầu khởi kiện này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 8 - Hưng Yên theo quy định tại Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự sửa đổi bổ sung năm 2025.

Tòa án đã triệu tập hợp lệ các đương sự tham gia tố tụng nhưng nguyên đơn, bị đơn đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2] Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa anh Lưu Tuấn K và chị Đào Thị Thu T1 được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn, khi kết hôn anh chị đủ điều kiện kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Lời khai của anh K, chị T1 đều thể hiện quá trình chung sống, vợ chồng anh chị có xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân chính là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra va chạm, xô xát kéo dài. Từ tháng 9/2024, anh K xuất cảnh ra nước ngoài để sinh sống và làm việc, vợ chồng anh chị cũng sống ly thân từ đó đến nay, không quan tâm đến nhau. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh K và chị T1 đều có văn bản trình bày đồng ý ly hôn, thể hiện cả hai không còn muốn duy trì quan hệ hôn nhân nữa. Như vậy, hôn nhân giữa anh Lưu Tuấn K và chị Đào Thị Thu T1 đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy cần áp dụng khoản 2 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, xử cho anh Lưu Tuấn K ly hôn chị Đào Thị Thu T1 là phù hợp.

[3] Về con chung: Anh Lưu Tuấn K và chị Đào Thị Thu T1 có 01 con chung là Lưu Tuấn K1, sinh ngày 15/8/2020. Ly hôn, anh K có nguyện vọng nuôi dưỡng con chung, chị T1 cũng đồng ý giao con chung cho anh K nuôi

dưỡng. Anh chị đã tự thỏa thuận về vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Xét thấy, anh K ở nước ngoài nhưng đã có văn bản ủy quyền quyền nuôi con chung cho mẹ đẻ anh K là bà Dương Thị Đ chăm sóc, nuôi dưỡng con chung trong thời gian anh K ở nước ngoài. Do đó, cần xử giao cháu Lưu Tuấn K1 cho anh K trực tiếp nuôi dưỡng; chấp nhận việc anh K, chị T1 tự thỏa thuận về vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết là phù hợp với Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Anh Lưu Tuấn K, chị Đào Thị Thu T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

[5] Về án phí: Anh Lưu Tuấn K phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 235; 238; 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2025.

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 26; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Xử cho anh Lưu Tuấn K được ly hôn chị Đào Thị Thu T1.

2. Về con chung:

Xử giao con chung là Lưu Tuấn K1, sinh ngày 15/8/2020 cho anh Lưu Tuấn K nuôi dưỡng. Trong thời gian anh K ở nước ngoài, bà Dương Thị Đ là người thay anh K chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con Lưu Tuấn K1. Không đặt ra giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Đào Thị Thu T1 có quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở. Anh Lưu Tuấn K, chị Đào Thị Thu T1 có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung khi cần thiết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Anh Lưu Tuấn K phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000 đồng anh Lưu Tuấn K đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0003751 ngày 03/12/2025 tại Phòng thi hành án dân sự khu vực 8 – Hưng Yên thành án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, vắng mặt các đương sự. Anh Lưu Tuấn K có quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ. Chị Đào Thị Thu T1 có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Thị Nguyệt

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 8 – Hưng Yên;
- VKSND tỉnh Hưng Yên;
- THADS tỉnh Hưng Yên;
- Cơ quan thực hiện việc đăng ký kết hôn (UBND xã Ngọc Lâm, tỉnh Hưng Yên);
- TAND tỉnh Hưng Yên;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Đặng Thị Nguyệt

**THÀNH VIÊN
HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Thị Nguyệt

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Thị Nguyệt

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Thị Nguyệt

